

Bản án số: 79/2022/HS-ST
Ngày: 20/5/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Lê Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Như Thủy;
2. Bà Hồ Thị Lệ Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 05 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2022/HSST ngày 25 tháng 03 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXX-HS ngày 20 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc K1; sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; giới tính: nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: đường A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: phật; nghề nghiệp: sơn nước; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn K2 và bà Nguyễn Thị L; có vợ và 07 người con (lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2019); tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/12/2021 đến nay – Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Bùi Quang M, sinh năm 1997; địa chỉ: đường C, phường D, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: đường T, xã N, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.

2. Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1979; địa chỉ: Thị trấn D, Kim Sơn, Ninh Bình – Vắng mặt.

3. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu phố E, Phường F, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thế C; địa chỉ: Xóm X, Quỳnh Nguyên, Quỳnh Phụ, Thái Bình – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 14/12/2021, Nguyễn Ngọc Đăng K3 điều khiển xe máy hiệu Wave biển số 17H3-4850 chở Nguyễn Ngọc K1 (cha ruột) đi trộm cắp tài sản. Khi đến trước địa chỉ đường C, phường D, Quận 7, K phát hiện 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y1-107.XX dựng trên vỉa hè, không có người trông coi, K1 kêu K3 dừng lại. K1 đi bộ lại xe máy, dùng dụng cụ phá khóa chuẩn bị sẵn bề ổ khóa xe. Sau đó, K1 cất dụng cụ phá khóa vào túi quần, dắt xe xuống lòng đường C để tẩu thoát thì bị anh Phùng Thanh N và anh Lê Quang V phát hiện truy đuổi. Lúc này, K1 bỏ lại xe Yamaha Sirius biển số 59Y1-107.XX, nhảy lên xe máy hiệu Wave biển số 17H3-48XX để K3 chở đi. Do K1 nhảy không tới yên xe nên K1 đu theo xe do K3 điều khiển, kéo lê khoảng 20 mét rồi té xuống đường. Anh N và V chạy đến bắt giữ K1 giao cho công an phường Tân Phong. Riêng K3 chạy xe Wave tẩu thoát.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Nguyễn Ngọc K1 khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Theo kết luận định giá tài sản số: 400/KL-HĐĐGTTHS ngày 21/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân Quận 7 kết luận: 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y1-107.XX, đăng ký lần đầu tháng 06/2011 có giá trị 9.300.000 đồng (Chín triệu ba trăm nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y1-107.XX, là xe của Bùi Quang M bị Nguyễn Ngọc K1 chiếm đoạt. Xe do ông Trần Văn T đứng tên làm chủ. Ngày 20/10/2015, ông T làm hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Thành C. Ngày 26/10/2015, ông C làm hợp đồng ủy quyền cho ông Bùi Văn T tại Văn phòng công chứng Quận 12. Ông Bùi Văn T trình bày: xe trên là do cháu ruột là anh Bùi Quang M mua và nhờ ông T đứng tên trên hợp đồng ủy quyền giùm, hiện nay anh M là người quản lý và sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại xe cho anh M.

- Đối với chiếc xe máy: biển số 17H3-48XX là phương tiện Nguyễn Ngọc Đăng K3 sử dụng để chở Nguyễn Ngọc K1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xe do ông Nguyễn Thế C đứng tên chủ sở hữu. Quá trình điều tra xác định: ông C mua xe trên năm 2002, đến năm 2007, ông C đã bán cho một người không rõ lai lịch với giá 7.000.000 đồng. Ông không có yêu cầu gì đối với chiếc xe. Nguyễn Ngọc K1 khai xe trên K1 mua trên mạng Chợ Tốt của

một người không rõ lai lịch, mục đích làm phương tiện đi lại. Cơ quan CSĐT Công an Quận 7 đã ra thông báo truy tìm xe.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi 5G, màu xanh dương và 1 sim, là tài sản cá nhân của Nguyễn Ngọc K1.

- 01 cây tuýp lục giác bằng kim loại, có hình chữ L, dài khoảng 10cm, có chữ CENTURY; 01 đầu đoạn dài khoảng 03cm, bằng kim loại; 01 đầu đoạn dài khoảng 05cm, bằng kim loại, là công cụ Nguyễn Ngọc K1 sử dụng để thực hiện hành vi trộm cắp.

- Về dân sự: Bị hại ông Bùi Quang M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số: 43/CT-VKSQ7 ngày 25/3/2022 Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc K1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù.

Về phần dân sự: Bị hại ông Bùi Quang M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

- Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, những chứng cứ, tài liệu của vụ án được thu thập trong quá trình điều tra và tại phiên tòa là hợp pháp.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo và tại phiên tòa xét có đủ cơ sở để kết luận:

Nguyễn Ngọc K1 thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y1-107.XX có giá trị 9.300.000 (Chín triệu ba trăm nghìn) đồng của anh Bùi Quang M một cách trái pháp luật. Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo phạm tội do tham lam tư lợi. Hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, liều lĩnh, nguy hiểm vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an xã hội. Bị cáo là thanh niên khỏe mạnh, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động nên đã thực hiện hành vi phạm tội để có tiền tiêu xài. Do đó cần phải có mức án tương xứng thì mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến hành vi phạm tội, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh và nhân thân của bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Bùi Quang M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với hành vi của Nguyễn Ngọc Đăng K3:

Qua xác minh, hiện K3 không thực tế cư trú tại địa phương, thường xuyên vắng mặt từ tháng 11/2021 đến nay nên Cơ quan Cảnh sát điều tra

chưa làm việc được với K3. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 7 quyết định truy tìm, điều tra làm rõ. Đủ căn cứ sẽ điều tra, xử lý sau.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius biển số 59Y1-107.XX, là xe của Bùi Quang M bị Nguyễn Ngọc K1 chiếm đoạt. Xe do ông Trần Văn T đứng tên làm chủ. Ngày 20/10/2015, ông T làm hợp đồng ủy quyền cho ông Nguyễn Thành C. Ngày 26/10/2015, ông C làm hợp đồng ủy quyền cho ông Bùi Văn T tại Văn phòng công chứng Quận 12. Ông Bùi Văn T trình bày: xe trên là do cháu ruột là anh Bùi Quang M mua và nhờ ông T đứng tên trên hợp đồng ủy quyền giùm, hiện nay anh M là người quản lý và sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 7 đã trả lại xe cho anh M là có căn cứ.

- Đối với chiếc xe máy: biển số 17H3-48XX là phương tiện Nguyễn Ngọc Đăng K3 sử dụng để chở Nguyễn Ngọc K1 thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xe do ông Nguyễn Thế C đứng tên chủ sở hữu. Quá trình xác minh, xác định ông C mua xe trên năm 2002, đến năm 2007, ông C đã bán cho một người không rõ lai lịch với giá 7.000.000 đồng. Ông không có yêu cầu, ý kiến gì đối với chiếc xe trên. Nguyễn Ngọc K1 khai xe trên K1 mua trên mạng Chợ Tốt của một người không rõ lai lịch, mục đích làm phương tiện đi lại. Cơ quan CSĐT Công an Quận 7 đã ra thông báo truy tìm xe.

- 01 điện thoại di động hiệu Redmi 5G, màu xanh dương và 1 sim, là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo.

- 01 cây tuýp lục giác bằng kim loại, có hình chữ L, dài khoảng 10cm, có chữ CENTURY; 01 đầu đoạn dài khoảng 03cm, bằng kim loại; 01 đầu đoạn dài khoảng 05cm, bằng kim loại, là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc K1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc K1 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/12/2021.

2. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc K1 01 điện thoại di động hiệu Redmi 5G, màu xanh dương và 01 sim (cũ, không kiểm tra chi tiết máy bên trong).

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 tuýp lục giác bằng kim loại, có hình chữ L, dài khoảng 10cm, có chữ CENTURY (đã qua sử dụng).

+ 01 đầu đoạn dài khoảng 03cm, bằng kim loại (đã qua sử dụng).

+ 01 đầu đoạn dài khoảng 05cm, bằng kim loại (đã qua sử dụng)

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 58 ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7).

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo, ông Trần Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- VKSND Quận 7;
- Công an Quận 7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: sổ án, VT, HS (TK. Thúy)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Đào Lê Anh